

Bản án số: 24 /2019/HNGĐ- ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2019
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 25/02/2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX-ST ngày 19/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 14./2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Như L**, sinh năm 1976; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã TX, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

- Bị đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1976; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã TX, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - anh Nguyễn Như L trình bày: Tôi và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX ngày 01/9/1997. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T chơi lô, đề, cờ bạc và bỏ nhà đi sang Trung Quốc hai năm. Khi chị T về nước tôi bỏ qua cho làm lại nhưng giữa chúng tôi vẫn xảy ra mâu thuẫn, chúng tôi sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 02/8/1998 và cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 18/7/2002. Cháu H hiện đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn tôi xin được nuôi cháu A do cháu có nguyện vọng ở với tôi, tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Hoàng Thị T trình bày: Tôi và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX ngày 01/9/1997. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc một vài năm. Khoảng 10 năm nay bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L nhiều lần đánh tôi. Nay anh L xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Tôi và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 02/8/1998 và cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 18/7/2002. Cháu H hiện đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, tôi xin được nuôi cháu A, tôi không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hiện nay vợ chồng tôi đang sinh sống tại nhà đất tại thôn T, xã TX, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc đất là của bố mẹ chồng tôi, còn nhà do vợ chồng tôi xây. Nay tôi đề nghị được tiếp tục ở lại nhà, đất đó để nuôi dạy các con.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh L được ly hôn chị T. Con chung: Giao cháu A cho anh L nuôi dưỡng. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Anh Nguyễn Như L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn chị Hoàng Thị T. Hiện chị Hoàng Thị T đang cư trú tại Thôn T, xã TX, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn – chị Hoàng Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã ra Thông báo yêu cầu chị T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, hết thời hạn chị T vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, do đó Tòa án không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung theo yêu cầu của chị Hoàng Thị T, giành quyền khởi kiện cho chị Hoàng Thị T đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Như L và chị Hoàng Thị T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX ngày 01/9/1997 là hợp pháp. Cả anh L và chị T đều thừa nhận, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo anh L thì nguyên nhân mâu thuẫn do chị T cờ bạc, lơ đãng, còn theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh L đánh chị nhiều lần. Anh L có đơn xin ly hôn, chị T cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh L và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L với chị T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị T có cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 02/8/1998 và cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 18/7/2002. Cháu H hiện đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cả anh L và chị T đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, cháu A có nguyện vọng muốn ở với bố là anh L, anh L có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, giao cho anh L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Anh L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của anh L. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Anh L, chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Như L** được ly hôn chị **Hoàng Thị T**.

2. Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 02/8/1998 và cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 18/7/2002. Cháu Hào hiện đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Nguyễn Như L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 18/7/2002 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Như L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003809 ngày 21/2/2019.

Anh Nguyễn Như L có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý

